

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2023/HS-ST
Ngày 08 - 12 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Mạnh

Ông Hoàng Đắc Hân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 140/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đặng Thái S, sinh năm 1991, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 11, xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông: chưa xác định họ tên bố và bà Đặng Thị Tí; chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 13 tháng 6 năm 2023, có mặt.

2. Hoàng Đức T, sinh năm 1999 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Hoàng Đức Đ và bà Mạc Thị U; có vợ Lò Thị Ng, có 02 con (sinh năm 2020, 2021); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 13 tháng 6 năm 2023, có mặt.

3. Lê Thị P, sinh năm 1988, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 3, xã Thủy S, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N;

con ông Lê Văn P và bà Vũ Thị N, có chồng Nguyễn Viết Cg; có 03 con (sinh năm 2000, 2008, 2018); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Vũ Đức H, sinh năm 1993, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 9, Đông Am, xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Vũ Đức T và bà Đinh Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Đặng Tùng G, sinh năm 1994; tại Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Khu 3, Lũng Đông, phường Đăng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Đặng Xuân T và bà Phạm Thị Tt; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Bùi Thị T, sinh năm 1991; tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn An Nội, xã An Lư, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Bùi Văn T và bà Trần Thị L; có chồng: Đinh Trọng S (đã ly hôn); có 02 con (sinh năm 2015, 2016); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. có mặt.

7. Nguyễn Xuân N sinh năm 1996, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 1, xã Tân Dương, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Xuân T (đã chết) và bà Phạm Thị L; có vợ Nguyễn Lệ T và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Bị hại: Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao hàng nhanh, địa chỉ trụ sở: số 405/15 xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 24 quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Lê Thanh T, nơi ĐKTT: huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; nơi ở: quận Hải An, thành phố Hải Phòng là đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền số 707/GUQ-GHN/2023 ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tổng giám đốc). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2022, một số nhân viên của Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao hàng nhanh - Chi nhánh tại huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng (sau đây viết tắt là Công ty GHN) tại bưu cục Phố Mới ở xã Tân Dương; bưu cục Cầu Giá - Chợ Tổng ở xã Lưu Kiếm; bưu cục DT359 ở xã Ngũ Lão có hành vi thu tiền hàng (thường gọi là tiền COD) từ khách hàng của Công ty GHN nhưng trong thời hạn không nộp về bưu cục theo quy định mặc dù

có K năng trả nhưng cố tình chiếm đoạt, cụ thể như sau:

1. Đối với hành vi của Đặng Thái S: Ngày 23 - 12 - 2019, Đặng Thái S ký hợp đồng lao động với Công ty GHN, công việc là nhân viên xử lý tại Bưu cục huyện Thủy Nguyên. Hàng ngày S có nhiệm vụ thu tiền COD từ nhân viên giao hàng để nộp về Công ty sau 18 giờ hàng ngày. Thực hiện nhiệm vụ trên, ngày 22 - 4 - 2020 S đã thu được tổng số tiền COD là 62.124.000 đồng từ 06 nhân viên giao hàng gồm: Thu của anh Hà Kỳ Dũng, sinh năm 1986 ở xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên số tiền 15.239.831 đồng; anh Bùi Hữu Hai, sinh năm 1991 ở xã Hợp Thành, huyện Thủy Nguyên số tiền 26.799.391 đồng; chị Trần Thị Tính, sinh năm 1992 ở xã An Lư, huyện Thủy Nguyên số tiền 16.700.368 đồng; anh Vũ Văn Trường, sinh năm 1987 ở xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên số tiền 130.436 đồng; anh Dương Thanh Thủy, sinh năm 1984 ở thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên số tiền 130.000 đồng; Đặng Tùng G số tiền 3.123.974 đồng. Sau khi thu được số tiền trên, S đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền để sử dụng cho bản thân nên không nộp lại cho công ty. Sau đó, S nghỉ việc và không thông báo lại cho công ty biết. Đến ngày 23 - 4 - 2020, anh Nguyễn Mạnh Hùng (là quản lý khu vực Hải Phòng của Công ty GHN) qua kiểm tra phát hiện S chưa nộp lại số tiền COD 62.124.000 đồng của ngày 22 - 4 - 2020 về công ty nên đã lập biên bản về hành vi chiếm đoạt tiền COD của S và yêu cầu S hoàn trả số tiền COD chưa nộp về cho công ty. Đến ngày 19 - 8 - 2020, S đã khắc phục trả lại công ty số tiền 62.124.000 đồng, công ty hiện còn giữ lương, cọc của S là 4.611.186 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các anh Hà Kỳ Dũng, Bùi Hữu Hai, Vũ Văn Trường, Đặng Tùng G, Dương Thanh Thủy, chị Trần Thị Tính khai phù hợp với lời khai Đặng Thái S như nội dung trên. Ngày 22 - 4 - 2020, sau khi kết thúc chuyến đi giao hàng, các anh Dũng, Hai, Trường, G và chị Tính, Thủy đã mang tiền COD về nộp lại cho Đặng Thái S là nhân viên xử lý của Bưu cục Thủy Nguyên theo quy định của công ty với tổng số tiền là 62.124.000 đồng.

2. Đối với hành vi của Lê Thị P: Ngày 26- 02- 2021, Lê Thị P ký hợp đồng lao động với Công ty GHN, công việc là nhân viên giao hàng tại Bưu cục Phố Mới ở xã Tân Dương, phụ trách giao hàng trên địa bàn xã Thủy S, huyện Thủy Nguyên. Theo quy định của công ty, nhân viên giao hàng có trách nhiệm bàn giao tiền COD thu được từ người nhận hàng cho nhân viên xử lý của Bưu cục mình làm vào cuối ngày làm việc. Thực hiện công việc trên, ngày 09-10-2021 P đến Bưu cục Phố Mới nhận hàng để đi giao cho khách (nhưng không nhớ cụ thể tổng số đơn hàng đã nhận). P xác nhận đã giao thành công 49 đơn hàng (như danh sách công ty cung cấp) và thu được tổng số tiền COD là 44.743.331 đồng. Sau khi thu được số tiền COD trên, P đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này để tiêu xài cá nhân và để trả nợ tiền vay người khác. Chiều tối cùng ngày, sau khi kết thúc ca làm P quay về Bưu cục bàn giao lại một số đơn hàng giao thất bại (không nhớ rõ số lượng cụ thể), còn số tiền 44.743.331 đồng P giữ lại mà không bàn giao cho nhân viên xử lý của Bưu cục theo quy định của công ty. Sau khi chiếm đoạt được tiền, ngày hôm sau P đã tự ý nghỉ việc mà không thông báo lại cho công ty, số tiền trên P đã ăn tiêu, trả nợ hết. Ngày 13 - 10 - 2021, anh Phan Đăng Hoàn (là trưởng Bưu cục phố Mới) kiểm tra phát hiện P chưa nộp lại tiền COD ngày 09 - 10 - 2021 là 44.743.331 đồng

về công ty nên đã đến nhà P lập biên bản về việc trên, nhưng P vẫn không đến công ty để trả lại số tiền COD này.

Kết quả xác minh 49 đơn hàng (theo danh sách công ty cung cấp) tương ứng số tiền COD 44.743.331 đồng trong chuyến đi giao hàng ngày 09 - 10 - 2021 của Lê Thị P có: 41 người nhận hàng xác nhận đã nhận đơn hàng và thanh toán tiền COD cho người giao hàng (nhưng không nhớ đặc điểm người đã giao hàng) với tổng số tiền COD tương ứng là 40.886.361 đồng; 08 người nhận hàng còn lại không xác định được nhân thân, lý lịch cụ thể với tổng số tiền COD tương ứng là 3.856.970 đồng. Trong quá trình làm việc tại công ty, P còn nợ truy thu số tiền 1.604.212 đồng (do làm mất đơn hàng), công ty hiện còn giữ lương, cọc của P là 4.656.002 đồng. Quá trình điều tra, P đã tự nguyện giao nộp số tiền 15.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho công ty. Số tiền còn lại P chưa khắc phục trả lại công ty là 26.691.541 đồng.

3. *Đối với hành vi phạm tội của Đặng Tùng G:* Ngày 01 - 01 - 2020, Đặng Tùng G ký hợp đồng lao động với Công ty GHN làm nhân viên giao hàng tại Bưu cục Cầu Giá, xã Lưu Kiêm. Tuyến đường giao hàng của G là các xã: Phù Ninh, An S, Lại Xuân, Kỳ S thuộc huyện Thủy Nguyên. Ngày 22 - 7 - 2021, G đến Bưu cục Cầu Giá nhận 70 đơn hàng để đi giao cho khách. G đã giao thành công hết 70 đơn hàng này và thu được tổng số tiền COD là 30.503.535 đồng. Sau khi thu được số tiền COD trên, G đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này để tiêu xài cá nhân nên khi kết thúc ca làm việc, G không quay về Bưu cục Cầu Giá để bàn giao cho nhân viên xử lý của Bưu cục theo đúng quy định của công ty. Ngày hôm sau, G nghỉ việc và không thông báo cho công ty. Ngày 24 - 7 - 2021, anh Nguyễn Tuấn Anh (là trưởng Bưu cục quản lý khu vực huyện Thủy Nguyên) kiểm tra phát hiện G chưa nộp lại tiền COD ngày 22 - 7 - 2021 về công ty nên đã đến nhà G lập biên bản về việc trên. Tại đây, G xác nhận đã tiêu hết số tiền COD 30.503.535 đồng thu được ngày 22 - 7 - 2021.

Kết quả xác minh 70 đơn hàng (theo danh sách công ty cung cấp) tương ứng số tiền COD là 30.503.535 đồng trong chuyến đi giao hàng ngày 22-7-2021 của Đặng Tùng G có: 39 người nhận hàng xác nhận đã nhận hàng và thanh toán tiền COD cho người giao hàng (nhưng không nhớ đặc điểm người đã giao hàng), tổng số tiền COD tương ứng là 27.189.127 đồng; 30 người nhận hàng không nhớ gì về các đơn hàng có liên quan tương ứng số tiền COD là 3.285.008 đồng; 01 người nhận hàng vắng mặt tại địa P tương ứng đơn hàng có số tiền COD là 29.400 đồng. Trong các ngày 16 - 8 - 2021 và 16 - 9 - 2021, G và gia đình đã khắc phục trả lại công ty số tiền 12.000.000 đồng. Quá trình điều tra, Đặng Tùng G cùng gia đình tiếp tục khắc phục số tiền 16.000.000 đồng cho công ty, tổng số tiền G đã khắc phục là 28.000.000 đồng, công ty đang giữ lương, cọc của G số tiền là 2.320.583 đồng. Số tiền còn lại G chưa khắc phục trả lại công ty là 182.953 đồng.

4. *Đối với hành vi phạm tội của Vũ Đức H:* Ngày 11-10-2019, Vũ Đức H ký hợp đồng lao động với Công ty GHN làm nhân viên giao hàng tại Bưu cục Phố Mới, ở xã Tân Dương. H phụ trách giao hàng tại địa bàn xã Thủy Triều và khu công nghiệp VSIP Hải Phòng. Ngày 20-01-2020, H đến Bưu cục nhận 66 đơn hàng đi giao cho khách. H đã giao thành công hết số đơn hàng này và thu được tổng số

tiền COD từ khách hàng là 48.051.021 đồng. Sau khi thu được số tiền COD trên, H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này cùng với số tiền COD H thu được ngày 19-01-2020 là 4.000.000 đồng để gửi về cho gia đình điều trị bệnh cho mẹ H. Thực hiện ý định trên, sau khi kết thúc ca làm H quay về Bưu cục nộp lại một phần số tiền COD thu được trong ngày là 12.253.484 đồng, còn lại số tiền 35.797.537 đồng H vẫn cất trong người mà không nộp lại, ngày hôm sau H nghỉ việc và không thông báo cho công ty. Khoảng 3 tháng sau, anh Nguyễn Mạnh Hùng kiểm tra phát hiện H chưa nộp lại tiền COD ngày 19-01-2020 là 4.000.000 đồng và ngày 20-01-2020 là 35.797.537 đồng, tổng số tiền H chưa nộp về công ty là 39.797.537 đồng nên đã đến nhà H lập biên bản về việc trên thì H đã chuyển số tiền 5.000.000 đồng cho anh Hùng để trả cho công ty. Sau đó, H không liên hệ và không trả lại số tiền COD còn thiếu là 34.797.537 đồng về công ty.

Kết quả xác minh 66 đơn hàng (theo danh sách công ty cung cấp) tương ứng giá trị là 48.051.021 đồng trong chuyến đi giao hàng ngày 20-01-2020 của Vũ Đức H có: 13 người nhận hàng xác nhận đã nhận hàng và thanh toán tiền COD cho người giao hàng (nhưng không nhớ đặc điểm người đã giao hàng), tổng số tiền COD tương ứng là 10.732.689 đồng; 07 người nhận hàng không nhớ gì về các đơn hàng có liên quan, tổng số tiền COD tương ứng là 3.278.930 đồng; 41 người nhận hàng không xác định được lai lịch cụ thể, tương ứng số tiền COD là 24.164.825 đồng; 01 người nhận hàng đã chết, tương ứng đơn hàng có số tiền COD là 2.477.577 đồng; 04 người vắng mặt tại địa P, tương ứng số tiền COD là 7.397.000 đồng. Trong quá trình làm việc tại công ty, H còn nợ truy thu số tiền 1.831.000 đồng (do làm mất đơn hàng); công ty hiện còn giữ lương, cọc của H là 4.656.002 đồng, quá trình điều tra H đã tự nguyện giao nộp số tiền còn thiếu là 33.660.000 đồng để khắc phục hậu quả cho công ty.

5. Đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Xuân N: Ngày 01-7-2021, Nguyễn Xuân N ký hợp đồng lao động với Công ty GHN làm nhân viên giao hàng tại Bưu cục Phố Mới, ở xã Tân Dương. N được phân công giao hàng tại địa bàn xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên. Ngày 16-10-2021, N đến Bưu cục phố Mới nhận một số đơn hàng (nhưng không nhớ rõ cụ thể bao nhiêu đơn) có địa chỉ tại xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên. Sau đó, N đi giao thành công được 44 đơn hàng và thu được số tiền COD là 18.703.267 đồng nhưng không nộp lại công ty theo quy định mà vẫn giữ trong người. Sáng ngày 17-10-2021, N đến Bưu cục phố Mới bàn giao các đơn hàng giao thất bại ngày 16-10-2021 về Bưu cục và nhận thêm 13 đơn hàng có địa chỉ tại xã Kiền Bái từ nhân viên xử lý tại Bưu cục, đến trưa cùng ngày N đã giao hết 13 đơn hàng trên và thu được số tiền COD là 7.006.707 đồng. Sau khi thu được tiền COD, N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này cùng với số tiền COD thu được ngày 16-10-2021 là 18.703.267 đồng để mua xe mô tô. Thực hiện ý định trên, N không quay về Bưu cục để nộp lại tiền COD cho nhân viên xử lý mà đi về nhà, sau đó N nghỉ việc và không thông báo cho công ty. Tổng số tiền N chiếm đoạt của công ty trong hai ngày 16, 17 tháng 10 năm 2021 là 25.709.974 đồng, số tiền này N đã ăn tiêu cá nhân hết. Anh Nguyễn Văn Mạnh (là nhân viên xử lý của Bưu cục Phố Mới) không thấy N quay lại Bưu cục làm việc và bàn giao tiền COD về cho công ty nên đã báo cáo với trưởng Bưu cục là anh Phan Đăng Hoàn.

Khoảng 01 tuần sau, anh Hoàn đến nhà N để làm việc về vi phạm trên nhưng N không có nhà cũng không liên hệ trả lại tiền cho công ty. Kết quả xác minh 81 đơn hàng (theo danh sách công ty cung cấp) trong chuyến đi ngày 16-10 2021 và ngày 17-10-2021 của N, tương ứng số tiền COD là 63.456.859 đồng có:

- 76 đơn hàng giao thành công tương ứng giá trị là 57.647.859 đồng, trong đó: 38 người nhận hàng xác nhận đã nhận hàng và thanh toán tiền COD cho người giao hàng, tổng số tiền COD tương ứng là 27.255.659 đồng; 01 người nhận hàng không nhớ gì về đơn hàng có liên quan, tương ứng số tiền COD là 2.050.000 đồng; 36 người nhận hàng không xác định được lai lịch cụ thể, tương ứng số tiền COD là 26.765.200 đồng; 01 người nhận hàng vắng mặt tại địa P, tương ứng số tiền COD là 1.577.000 đồng.

- 05 đơn hàng giao thất bại tương ứng giá trị là 5.809.000 đồng, trong đó: 03 người nhận hàng không nhận được các đơn hàng có liên quan, tương ứng tổng số tiền COD là 4.700.000 đồng; 01 người nhận hàng xác nhận đã nhận hàng và thanh toán tiền COD cho người giao hàng, số tiền COD tương ứng là 519.000 đồng; 01 người nhận hàng không xác định được lai lịch cụ thể, tương ứng số tiền COD là 590.000 đồng.

- Trên hệ thống quản lý đơn hàng của Công ty GHN thể hiện trong 81 đơn hàng trên có 19 đơn hàng có địa chỉ người nhận hàng không thuộc tuyến giao hàng của N ở xã Kiên Bái, huyện Thủy Nguyên tương ứng số tiền COD là 31.937.885 đồng (gồm: đơn hàng mã GA9WF7FY (xã Hoàng Động); đơn hàng mã GA9AW9U4 (xã Thủy S); đơn hàng mã GA9XL6FE (xã Dương Quan); đơn hàng mã GHNMP0012554859VNA (thị trấn Núi Đèo); đơn hàng mã GA9WEQXV (thị trấn Núi Đèo); đơn hàng mã GA9XMDFQ (đội 4B, không có địa chỉ xã); đơn hàng mã GA9WEQFR (thị trấn Núi Đèo); đơn hàng mã NVS124990547 (xã An Lư); đơn hàng mã GA9XPE4R (xã Dương Quan); đơn hàng mã GA9AC8DL (xã Tân Dương); đơn hàng mã GA9A36UY (xã Thủy S); đơn hàng mã GHNTK963796731 (xã Thủy Đường); đơn hàng mã GA9A9RVH (xã Thủy Đường); đơn hàng mã NVS124624940 (xã Thủy Đường); đơn hàng mã GA9XBWHQ (xã Lâm Động); đơn hàng mã GA9XM3GL (xã Lâm Động); đơn hàng mã GHNMP0012456445VNA (khu chung cư VSIP); đơn hàng mã GA9XE6K6 (xã Hoa Động); đơn hàng mã NVS122889560 (xã Tân Dương).

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Xuân N khai: Ngày 16 và ngày 17 tháng 10 năm 2021, N không nhận 19 đơn hàng có địa chỉ khác xã Kiên Bái tương ứng số tiền COD là 31.937.885 đồng trên do không thuộc địa bàn N quản lý. Mặt khác, trong 19 đơn hàng này thì có 13 đơn hàng không thực hiện gọi điện cho người nhận hàng để liên hệ thời gian, địa điểm giao hàng; 13 đơn hàng ở các xã, thị trấn có khoảng cách xa nhau nhưng cùng cập nhật giao hàng thành công trong khoảng thời gian từ 17 giờ 15 phút đến 17 giờ 24 phút và từ 20 giờ 45 phút đến 20 giờ 46 phút; 01 đơn hàng cập nhật giao thành công lúc 12 giờ 45 phút.

Đối với 05 đơn hàng giao thất bại ngày 17-10-2021, tương ứng giá trị là 5.809.000 đồng N cũng không chiếm đoạt bởi các đơn N nhận hai ngày trên đều đã giao thành công hết. Mặt khác, trưa ngày 17-10-2021 N đã tự ý nghỉ việc, không

đến Bưu cục nhận thêm hàng và không giao hàng vào khoảng thời gian 12 giờ đến 13 giờ và sau 19 giờ hàng ngày. Quá trình làm việc, N có cung cấp mã nhân viên ID, mật khẩu, mã OTP để đăng nhập tài khoản cá nhân của N trên ứng dụng quản lý đơn hàng của công ty GHN cho các bạn nhân viên giao hàng làm cùng (N không nhớ là ai) để điểm danh hộ khi N đi làm muộn. Trước ngày 16-10-2021 vài ngày, N có cung cấp mã nhân viên ID, mật khẩu, mã OTP để đăng nhập tài khoản cá nhân của N trên ứng dụng quản lý đơn hàng của công ty cho trưởng Bưu cục là anh Phan Đăng Hoàn để anh Hoàn cho các nhân viên thời vụ (không có hợp đồng với Công ty GHN) sử dụng đi giao hàng.

Số tiền N đã chiếm đoạt của công ty trong hai ngày 16 và 17 tháng 10 năm 2021 là 25.709.974 đồng. Công ty hiện còn giữ số tiền cọc lương của N là 6.162.254 đồng, quá trình điều tra N đã tự nguyện giao nộp lại toàn bộ số tiền 19.550.000 đồng để khắc phục hậu quả cho công ty.

6. *Đối với hành vi phạm tội của Bùi Thị T:* Ngày 08-3-2021, Bùi Thị T ký hợp đồng lao động với Công ty GHN làm nhân viên giao hàng tại Bưu cục phố Mới, phụ trách giao hàng tại địa bàn xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên và hỗ trợ giao hàng tại xã Dương Quan, thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên khi có nhân viên giao hàng khác nghỉ hoặc bận việc. Sáng ngày 26-11-2021, T đến Bưu cục Phố Mới nhận một số đơn hàng (nhưng không nhớ cụ thể số lượng) tại địa bàn các xã Tân Dương, Thủy Đường, Dương Quan và thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T quay lại Bưu cục Phố Mới nhận thêm một số đơn hàng nữa (không nhớ cụ thể số lượng) cũng thuộc địa bàn các xã, thị trấn trên. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T đã giao thành công được 70 đơn hàng (như danh sách công ty cung cấp) và thu được tổng số tiền COD là 29.836.860 đồng. Sau khi thu được số tiền COD trên, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này để tiêu xài cá nhân và để trả nợ tiền vay người khác. Chiều tối cùng ngày, sau khi kết thúc ca làm T quay về Bưu cục bàn giao lại các đơn hàng giao thất bại, còn số tiền 29.836.860 đồng T giữ lại mà không bàn giao cho nhân viên xử lý của Bưu cục theo quy định của công ty. Sau khi chiếm đoạt được tiền, ngày hôm sau T đã tự ý nghỉ việc mà không thông báo lại cho công ty, số tiền trên T đã ăn tiêu, trả nợ hết. Kết quả xác minh 77 đơn hàng (theo danh sách công ty cung cấp) trong chuyến đi ngày 26/11/2021 của Bùi Thị T, tương ứng số tiền COD là 33.835.860 đồng có:

- 74 đơn hàng giao thành công, tương ứng số tiền COD là 32.895.860 đồng, trong đó: 45 người nhận hàng xác nhận đã nhận hàng và thanh toán tiền COD cho người giao hàng nhưng không nhớ đặc điểm người đã giao hàng, tổng số tiền COD tương ứng là 23.396.980 đồng; 01 người nhận hàng không nhận được đơn hàng có liên quan tương ứng số tiền COD là 263.000 đồng; 03 người nhận hàng không nhớ gì về đơn hàng có liên quan, tương ứng số tiền COD là 678.900 đồng; 23 người nhận hàng không xác định được lai lịch cụ thể, tương ứng số tiền COD là 7.930.980 đồng; 02 người nhận hàng vắng mặt tại địa P, tương ứng số tiền COD là 626.000 đồng.

- 03 đơn hàng giao thất bại tương ứng số tiền COD 940.000 đồng, trong đó có 02 người nhận hàng không nhớ gì về đơn hàng có liên quan, tương ứng số tiền COD là 600.000 đồng; 01 người nhận hàng không nhận được đơn hàng có liên quan tương ứng số tiền COD là 340.000 đồng. 03 đơn hàng này đều được bổ sung vào chuyến đi lúc 14 giờ 02 phút và cập nhật giao hàng thất bại lúc 16 giờ 27 phút; 18 giờ 28 phút và 19 giờ 13 phút.

- Trên hệ thống quản lý đơn hàng của Công ty GHN thể hiện trong 77 đơn hàng ngày 26/11/2021 của Bùi Thị T có 04 đơn hàng có địa chỉ người nhận hàng không thuộc tuyến giao hàng của T ở xã Tân Dương, Dương Quan, Thủy Đường, thị trấn Núi Đèo, tương ứng số tiền COD là 3.059.000 đồng (gồm: đơn hàng mã GAVXCKTV (xã Hoa Động); đơn hàng mã GAVHX8MG (xã An Lư); đơn hàng mã NVS132818915 (xã An Lư); đơn hàng mã GAVHDX9X (xã An Lư)).

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Thị T khai: Ngày 26-11-2021, T không nhận đơn hàng có địa chỉ nào thuộc xã An Lư và xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên. Trong 04 đơn hàng tương ứng số tiền COD là 3.059.000 đồng có địa chỉ ở xã An Lư và xã Hoa Động nêu trên có 03 đơn hàng địa chỉ xã An Lư cùng cập nhật giao hàng thành công vào lúc 18 giờ 29 phút. Trong quá trình làm việc, T có cung cấp mã nhân viên ID, mật khẩu, mã PIN, mã OTP để đăng nhập tài khoản cá nhân của T trên ứng dụng quản lý đơn hàng của Công ty GHN cho các bạn nhân viên giao hàng làm cùng (nhưng không nhớ cụ thể là ai) điền danh họ khi T đi làm muộn và cho anh Phan Đăng Hoàn để anh Hoàn tiếp nhận đơn hàng do các cửa hàng đến gửi trực tiếp tại Bưu cục Phố Mới. Đối với 03 đơn hàng giao thất bại tương ứng số tiền COD là 940.000 đồng, T đã bàn giao lại cho anh Nguyễn Văn Mạnh là nhân viên xử lý tại Bưu cục.

Số tiền T đã chiếm đoạt của công ty là 29.836.860 đồng, công ty hiện còn giữ số tiền cọc lương của T là 3.771.916 đồng, quá trình điều tra T đã tự nguyện giao nộp lại toàn bộ số tiền 28.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho công ty.

Theo Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao hàng nhanh cung cấp: Sau khi chuyển đi giao hàng của nhân viên phát triển thị trường được xác lập bắt đầu trên hệ thống ứng dụng quản lý đơn hàng, quản lý khu vực, Trưởng Bưu cục hoặc nhân viên xử lý có thể bổ sung thêm đơn hàng vào chuyến đi của nhân viên giao hàng thông qua việc quét mã đơn hàng mới hoặc tự thêm mã đơn hàng mới trên hệ thống cho nhân viên giao hàng. Một tài khoản cá nhân của nhân viên trên ứng dụng quản lý đơn hàng của GHN có thể cùng thời điểm đăng nhập trên nhiều máy điện thoại, máy tính. Số điện thoại mà nhân viên phát triển thị trường sử dụng để liên hệ với người nhận hàng không bắt buộc phải đăng ký cố định với GHN. Tài khoản cá nhân của nhân viên giao hàng đăng nhập trên một máy điện thoại lắp sim số điện thoại không phải của nhân viên giao hàng đó có thể thực hiện cuộc gọi liên hệ đến người nhận hàng. Hệ thống phần mềm ứng dụng quản lý đơn hàng của GHN chỉ thể hiện ID (mã nhân viên) của nhân viên giao hàng thực hiện cuộc gọi, thao tác đơn hàng, không thể hiện số điện thoại thực hiện cuộc gọi.

7. Đối với hành vi phạm tội của Hoàng Đức T: Ngày 02-3-2022, Hoàng Đức T ký hợp đồng lao động với Công ty GHN làm nhân viên giao hàng tại Bưu cục

DT359 tại xã Ngũ Lão, phụ trách giao hàng tại địa bàn khu công nghiệp VSIP Hải Phòng và hỗ trợ giao hàng tại xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên. Ngày 07-6-2022, T đến Bưu cục xã Ngũ Lão nhận 157 đơn hàng tương ứng số tiền COD cần thu của khách hàng là 84.072.199 đồng đi giao tại địa bàn xã Tam Hưng và khu công nghiệp VSIP Hải Phòng. T đã giao thành công 97 đơn hàng và thu được số tiền COD là 35.529.379 đồng, trong đó có 90 đơn hàng T cập nhật giao hàng thành công và 07 đơn hàng T cập nhật nhầm từ giao thành công thành giao hàng thất bại (có 01 đơn hàng với số tiền COD là 0 đồng nhưng cập nhật giao thất bại nên công ty tính truy thu số tiền là 1.000.000 đồng); còn lại 60 đơn hàng giao thất bại tương ứng số tiền COD là 36.542.820 đồng (trong đó có 11 đơn hàng có tiền COD là 0 đồng nhưng cập nhật giao thất bại nên công ty tính truy thu số tiền là 1.000.000 đồng/đơn).

Chiều tối ngày 07-6-2022, sau khi kết thúc ca làm T không quay lại Bưu cục để nộp tiền COD và bàn giao lại đơn hàng hàng thất bại theo quy định của công ty mà mang số tiền COD thu được là 35.529.379 đồng và 60 đơn hàng giao thất bại còn lại về phòng trọ của mình tại tổ dân phố Quyết Thành, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên cất giữ. T để số đơn hàng giao thất bại này trong thùng hàng để ở sân dây trợ, cách cổng ra vào khoảng 2m rồi T sang nhà chị gái là Hoàng Thị Hương, sinh năm 1988 ở gần đó ăn cơm. Khi đi T không khoá cổng mà chỉ quàng xích sắt vào cánh cổng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T về phòng trọ thì phát hiện bị mất thùng hàng cùng các đơn hàng giao thất bại trên, cổng vẫn trong tình trạng được quàng xích sắt như trước khi T rời đi. Sau khi mất hàng, T không trình báo Cơ quan Công an hay chủ nhà trọ biết về việc bị mất trộm mà chỉ kể lại việc này cho chị Hương biết. Sau đó, T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền COD 35.529.379 đồng thu được ngày 07-6-2022 để tiêu xài cá nhân, ngày hôm sau T tự ý nghỉ việc và không thông báo lại cho công ty biết việc T bị mất trộm các đơn hàng trên. Công ty hiện còn giữ lương cọc của T là 3.500.000 đồng. Hiện T chưa hoàn trả lại tiền cho công ty. Tiến hành xác minh 157 đơn hàng (theo danh sách công ty cung cấp) tương ứng số tiền COD 84.072.199 đồng trong chuyến đi ngày 07-6-2022 của Hoàng Đức T, bao gồm:

- 90 đơn hàng giao thành công, trong đó: 59 người nhận hàng xác nhận đã nhận hàng và thanh toán tiền COD cho người giao hàng, tổng số tiền COD tương ứng là 22.859.550 đồng; 01 người nhận hàng không nhớ gì về đơn hàng có liên quan, tương ứng số tiền COD là 35.750 đồng; 30 người nhận hàng không xác định được lai lịch cụ thể, tương ứng số tiền COD là 8.860.279 đồng.

- 67 đơn hàng giao thất bại, trong đó: 07 người nhận hàng xác nhận đã nhận hàng và thanh toán tiền COD cho người giao hàng, tổng số tiền COD tương ứng là 4.773.800 đồng, tuy nhiên người nhận hàng không nhớ người giao hàng là ai. Trong 07 đơn hàng này có 01 đơn hàng giao thành công với số tiền COD thực tế là 0 đồng nhưng do T cập nhật trạng thái giao thất bại nên trên hệ thống quản lý đơn hàng thể hiện số tiền COD là 1.000.000 đồng theo quy định của Công ty GHN; 23 người nhận hàng xác nhận không nhận đơn hàng có liên quan, tương ứng tổng số tiền COD là 30.397.900 đồng; 03 người nhận hàng không nhớ gì về đơn hàng có

liên quan, tương ứng số tiền COD là 1.118.000 đồng; 33 người nhận hàng không xác định được lai lịch cụ thể, tương ứng số tiền cod là 16.026.920 đồng.

Trong danh sách đơn hàng trong chuyến đi ngày 07-6-2022 của Hoàng Đức T có 12 đơn hàng giao thất bại đều thể hiện giá trị là 1.000.000 đồng/đơn. Theo Công ty GHN cung cấp thì 12 đơn hàng nêu trên là những đơn hàng không có giá trị thu hộ (số tiền COD là 0 đồng) và không có giá trị khai giá. Vì vậy theo quy định của Công ty GHN, nhóm quản lý rủi ro truy thu trước 1.000.000 đồng đối với đơn hàng này.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận phù hợp với nội dung nêu trên.

Về vấn đề dân sự: Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao hàng nhanh yêu cầu các bị cáo hoàn trả lại số tiền COD, tiền giao hàng thất bại, nợ truy thu mà các bị cáo đã chiếm đoạt của công ty (sau khi trừ đi số tiền cọc, lương mà công ty đang còn giữ của các bị cáo, cụ thể:

- Lê Thị P chiếm đoạt 44.743.331 đồng tiền COD, nợ truy thu là 1.604.212 đồng (do làm mất đơn hàng), tổng số tiền P phải trả cho công ty là 46.347.543 đồng. Công ty đang giữ lương cọc của P là 4.656.002 đồng.

- Đặng Tùng G chiếm đoạt 30.503.535 đồng tiền COD. Công ty đang giữ lương cọc của G là 2.320.583 đồng.

- Vũ Đức H chiếm đoạt 39.797.537 đồng tiền COD, nợ truy thu là 1.831.000 đồng (do làm mất đơn hàng), tổng số tiền H phải trả cho công ty là 41.628.537 đồng. Công ty hiện còn giữ lương cọc của H là 4.656.002 đồng.

- Nguyễn Xuân N chiếm đoạt 25.709.974 đồng tiền COD. Công ty hiện còn giữ số tiền cọc lương của N là 6.162.254 đồng.

- Bùi Thị T chiếm đoạt 29.836.860 đồng tiền COD. Công ty hiện còn giữ tiền lương của T là 3.771.916 đồng.

- Hoàng Đức T chiếm đoạt của công ty là 35.529.379 đồng tiền COD, nợ truy thu là 1.022.786 đồng (do làm mất đơn hàng), tổng số tiền T phải trả cho công ty là 36.552.165 đồng. Công ty hiện còn giữ tiền lương của T là 3.500.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: Số tiền 124.216.000 đồng là tiền của các bị cáo P, G, H, N, T giao nộp cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên.

Tại Cáo trạng số 157/CT-VKSTN ngày 09 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố bị cáo Đặng Thái S về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Thị P, Đặng Tùng G, Vũ Đức H, Nguyễn Xuân N, Bùi Thị T, Hoàng Đức T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tại phiên tòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đặng Thái S, Lê Thị P, Đặng Tùng G, Vũ Đức H,

Nguyễn Xuân N, Bùi Thị T, Hoàng Đức T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Về hình phạt đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Đặng Thái S từ 30 đến 36 tháng tù giam.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Hoàng Đức T từ 18 đến 24 tháng tù giam.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Thị P từ 18 đến 24 tháng tù giam.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 2 Điều 52, điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Vũ Đức H từ 18 đến 24 tháng tù giam.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Đặng Tùng G từ 15 đến 18 tháng tù giam.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Thị T từ 15 đến 18 tháng tù giam.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 2 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Xuân N từ 15 đến 18 tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Đức T phải bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao hàng nhanh số tiền là 33.052.165 đồng. Lê Thị P còn phải bồi thường tiếp cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao hàng nhanh số tiền là 26.691.541 đồng. Đặng Tùng G còn phải bồi thường tiếp cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao hàng nhanh số tiền là 182.953 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện, tỏ ra ăn năn hối cải và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của đại diện hợp pháp của bị hại: Người đại diện hợp pháp của bị hại đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Trong quá trình điều tra đã trình bày đầy đủ ý kiến về yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2022, các nhân viên xử lý và nhân viên giao hàng của Công ty GHN - Chi nhánh tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng gồm: Đặng Thái S, Hoàng Đức T, Lê Thị P, Vũ Đức H, Đặng Tùng G, Bùi Thị T, Nguyễn Xuân N đã có hành vi sau khi thu được tiền COD từ khách hàng của Công ty GHN, đến thời hạn nộp tiền về Bru cục theo quy định của công ty mặc dù có K năng nhưng cố tình không trả mà chiếm đoạt số tiền này để sử dụng chi tiêu cá nhân, cụ thể: Đặng Thái S đã chiếm đoạt số tiền 62.124.000 đồng vào ngày 22 tháng 4 năm 2020; Lê Thị P chiếm đoạt số tiền 44.743.331 đồng vào ngày 09 tháng 10 năm 2021; Đặng Tùng G chiếm đoạt số tiền 30.503.535 đồng vào ngày 22 tháng 7 tháng 2021; Vũ Đức H chiếm đoạt số tiền 39.797.537 đồng trong hai ngày là ngày 19 và 20 tháng 01 năm 2020; Nguyễn Xuân N chiếm đoạt số tiền 25.709.974 đồng trong hai ngày 16 và 17 tháng 10 năm 2021; Bùi Thị T chiếm đoạt số tiền 29.836.860 đồng ngày 26 tháng 11 năm 2021; Hoàng Đức T chiếm đoạt số tiền 35.529.379 đồng ngày 07 tháng 6 năm 2022. Hành vi của bị cáo Đặng Thái S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự (*chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*). Hành vi của các bị cáo Hoàng Đức T, Lê Thị P, Vũ Đức H, Đặng Tùng G, Bùi Thị T, Nguyễn Xuân N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo Vũ Đức H chiếm đoạt tiền trong 02 ngày 19, 20 tháng 01 năm 2020, bị cáo Nguyễn Xuân N chiếm đoạt tiền trong 02 ngày 16, 17 tháng 10 năm 2021 nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội hai lần trở lên*”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Thị P, Vũ Đức H, Đặng Tùng G, Bùi Thị T, Nguyễn Xuân N đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “*người phạm tội tự nguyện... bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*”; “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”; “*người phạm tội thành khẩn khai báo*”, quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra bị cáo H và N có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo G có bố, mẹ được Nhà nước tặng huân, huy chương chiến sỹ do phục vụ trong quân đội nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đặng Thái S được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*người phạm tội tự nguyện... bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*”; “*người phạm tội thành khẩn khai báo*”; bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ

luật Hình sự; Bị cáo Hoàng Đức T được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”; “*người phạm tội thành khẩn khai báo*”, quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Với những phân tích như trên, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, xử phạt bị cáo Đặng Thái S trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo Hoàng Đức T, Lê Thị P, Vũ Đức H, Đặng Tùng G, Bùi Thị T, Nguyễn Xuân N trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự mới đủ tác dụng cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Xét thấy các bị cáo là công nhân lao động phổ thông, thu nhập thấp, không ổn định nên không phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị Đặng Thái S đã tự nguyện nộp trả lại cho bị hại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Trong quá trình điều tra các bị cáo đã tự nguyện số tiền đã chiếm đoạt như sau: Vũ Đức H nộp 33.666.000 đồng, Bùi Thị T nộp 28.000.000 đồng, Nguyễn Xuân N nộp 19.550.000 đồng. Bị cáo Hoàng Đức T chiếm đoạt của công ty là 35.529.379 đồng tiền COD, nợ truy thu là 1.022.786 đồng (do làm mất đơn hàng), tổng số tiền T phải trả cho công ty là 36.552.165 đồng. Công ty hiện còn giữ tiền lương của T là 3.500.000 đồng. Bị cáo T còn phải bồi thường cho Công ty Giao hàng nhanh số tiền là 33.052.165 đồng. Bị cáo Lê Thị P chiếm đoạt 44.743.331 đồng tiền COD, nợ truy thu là 1.604.212 đồng (do làm mất đơn hàng), tổng số tiền P phải trả cho công ty là 46.347.543 đồng. Công ty đang giữ lương cọc của P là 4.656.002 đồng. Quá trình điều tra, P đã tự nguyện giao nộp số tiền 15.000.000 đồng nên bị cáo P còn phải bồi thường tiếp cho Công ty giao hàng nhanh là 26.691.541 đồng. Bị cáo Đặng Tùng G chiếm đoạt 30.503.535 đồng tiền COD, Công ty đang giữ lương cọc của G là 2.320.583 đồng, G đã tự nguyện nộp số tiền là 28.000.000 đồng nên bị cáo G còn phải tiếp tục bồi thường cho công ty là 182.953 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Số tiền 124.216.000 đồng là tiền của các bị cáo P, G, H, N, T giao nộp cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả cho Công ty GHN nên số tiền này được trả cho Công ty giao hàng nhanh để trừ vào số tiền các bị cáo phải bồi thường cho công ty.

Về những vấn đề khác:

[9] Trong vụ án này, theo đơn trình báo của Công ty GHN còn có 03 đối tượng khác đều là nhân viên giao hàng của công ty cũng có hành vi chiếm đoạt tài sản là tiền COD của công ty gồm: Hoàng Công Hương, sinh năm 1986 ở xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng; Vũ Văn Chiến, sinh năm 1993 ở xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng và Phạm Mạnh Quang, sinh năm 1994 ở xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng, trong đó: Hương chiếm đoạt tiền COD là 49.960.702 đồng vào ngày 31-3-2022; Chiến chiếm đoạt tiền COD là 37.183.990 đồng ngày 28-4-2022; Quang chiếm đoạt tiền COD là 15.372.645 đồng ngày 28-4-2023. Quá trình điều tra, cả ba đối tượng Hương, Chiến, Quang đều

vắng mặt tại nơi cư trú nên Cơ quan điều tra tách hành vi của Hoàng Công Hương, Vũ Văn Chiến, Phạm Mạnh Quang để tiếp tục điều tra, giải quyết là đúng theo quy định pháp luật;

[10] Đối với 19 đơn hàng có địa chỉ người nhận không thuộc xã Kiên Bái, huyện Thủy Nguyên tương ứng số tiền COD là 31.937.885 đồng và 05 đơn hàng giao thất bại tương ứng số tiền COD là 5.809.000 đồng trong chuyến đi giao hàng ngày 16-10-2021 và 17-10-2021 của Nguyễn Xuân N; 04 đơn hàng có địa chỉ người nhận không thuộc các xã Tân Dương, Dương Quan, Thủy Đường, thị trấn Núi Đèo tương ứng số tiền COD là 3.059.000 đồng và 03 đơn hàng giao thất bại tương ứng số tiền COD là 940.000 đồng trong chuyến đi giao hàng ngày 26-11-2021 của Bùi Thị T: Tài liệu điều tra hiện chưa đủ căn cứ để xác định việc N, T thực tế có được tiếp nhận, giao hàng và cập nhật trạng thái các đơn hàng có địa chỉ không thuộc địa bàn, tuyến giao hàng mình phụ trách và các đơn hàng giao thất bại còn lại trong chuyến đi nêu trên hay không, cũng như chưa đủ căn cứ để xác định Nguyễn Văn Mạnh và Phan Đăng Hoàn có thêm đơn mới vào chuyến đi của N, T sau khi N, T đã đi giao hàng hay không nên không xem xét trong vụ án này.

[11] Đối với 60 đơn hàng giao thất bại ngày 07-6-2022 của Hoàng Đức T tương ứng số tiền COD là 36.542.820 đồng mà T khai bị mất trộm, hiện chưa đủ căn cứ để xác định việc T có bị mất trộm 60 đơn hàng trên hay không nên Cơ quan điều tra đã tách các vấn đề trên ra điều tra làm rõ, xử lý sau.

[12] Đối với anh Nguyễn Tuấn Anh nhận số tiền 12.000.000 đồng của bà Phạm Thị Tuyết (là mẹ của Đặng Tùng G) giao nộp vào các ngày 16-8-2021, 16-9-2021 để khắc phục hậu quả nhưng chưa nộp về cho Công ty GHN: ngày 20-9-2021, anh Tuấn Anh đã báo cáo đến anh Nguyễn Mạnh Hùng (là quản lý khu vực Hải Phòng của công ty) về nội dung sự việc của G và việc đã tiếp nhận số tiền 12.000.000 đồng từ gia đình G để khắc phục hậu quả, anh Tuấn Anh đề xuất với anh Hùng sẽ tiếp tục theo dõi trường hợp vi phạm của G, khi thu hồi đủ số tiền G chiếm đoạt của công ty sẽ nộp cùng số tiền 12.000.000 đồng nêu trên về cho công ty thì được anh Hùng đồng ý. Tuy nhiên, sau đó anh Tuấn Anh vẫn không nhận được thêm số tiền nào khác do G hay gia đình hoàn trả để nộp về công ty. Do đó, anh Tuấn Anh vẫn lưu giữ số tiền 12.000.000 đồng trên trong tài khoản ngân hàng của mình và không sử dụng vào mục đích nào khác. Hành vi của anh Nguyễn Tuấn Anh không có dấu hiệu tội phạm nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[13] Đối với hành vi Đặng Thái S khai sử dụng tiền chiếm đoạt được vào việc trả nợ cho việc chơi lô đề, ngoài lời khai của S thì không còn tài liệu nào khác nên không có cơ sở xử lý.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đặng Thái S, Hoàng Đức T, Lê Thị P, Vũ Đức H, Đặng Tùng G, Bùi Thị T, Nguyễn Xuân N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Đặng Thái S 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13 tháng 6 năm 2023.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Hoàng Đức T 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13 tháng 6 năm 2023.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Thị P 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 2 Điều 52, điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Vũ Đức H 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Đặng Tùng G 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Thị T 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 2 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Xuân N 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Cấm các bị cáo Lê Thị P, Vũ Đức H, Đặng Tùng G, Bùi Thị T, Nguyễn Xuân N đi khỏi nơi cư trú, thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú được tính từ ngày tuyên án đến thời điểm bị cáo bị bắt đi chấp hành án phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Đức T phải bồi thường cho Công ty Giao hàng nhanh số tiền là 33.052.165 đồng. Bị cáo Lê Thị P phải bồi thường tiếp cho Công ty giao hàng nhanh là 26.691.541 đồng. Bị cáo Đặng Tùng G phải bồi thường tiếp cho công ty là 182.953 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả cho công ty giao hàng nhanh số tiền 124.216.000 đồng (theo uỷ nhiệm chi ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Công an huyện Thủy Nguyên)

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Hoàng Đức T phải chịu 1.776.000 án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Lê Thị Thu P phải chịu 1.335.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Đặng Tùng G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- CQCSĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gò thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện N Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gò thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi

phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND thành phố Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- QCSĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Mai

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)